

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2025
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Tảo.

2. Bà Trương Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Đức T, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1990; CCCD số 036090002399, cấp ngày 25/04/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn T1, xã TT, huyện VB, tỉnh Nam Định nay là thôn T1, xã VB, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Chị Trịnh Thị V, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1996; CCCD số 036196009537, cấp ngày 10/05/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Quê quán: Đội 1, thôn A, xã YN, huyện YY, tỉnh Nam Định nay là Đội 1, thôn A, xã Y, tỉnh Ninh Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T1, xã TT, huyện VB, tỉnh Nam Định nay là thôn T1, xã VB, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Vắng mặt anh T và chị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Vũ Đức T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đức T và chị Trịnh Thị V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 21-12-2015 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện VB, tỉnh Nam Định nay là xã VB, tỉnh Ninh Bình. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8 năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. NguYN mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng anh tính cách không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng anh không hiểu nhau, cứ mỗi lần nói chuyện thì lại cãi nhau. Đỉnh điểm là khi vợ chồng anh cãi chửi nhau gay gắt thì chị V bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở thôn Tứ Giáp, xã Liên Minh, huyện VB, tỉnh Nam Định để sinh sống mà không chịu trở về. Từ tháng 8 năm 2024 đến nay thì vợ chồng anh sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau.

Anh T nhận thấy vợ chồng anh không thể hòa giải và không thể đoàn tụ được. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã kéo dài. Do vậy anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trịnh Thị V.

- Về con chung: Từ ngày ly thân thì các con chung vẫn ở cùng anh. Anh T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung của vợ chồng là cháu Vũ Trâm A1, sinh ngày 29-11-2016, Vũ Phương U, sinh ngày 27-4-2020 và Vũ Tiến Th, sinh ngày 09/01/2023. Anh không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng anh không có nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, bị đơn chị Trịnh Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh Vũ Đức T đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện VB, tỉnh Nam Định, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 21 tháng 12 năm 2015. Vợ chồng chị chung sống với nhau đến tháng 12 năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

NguYN mâu thuẫn là do: Vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, mâu thuẫn với nhau về kinh tế, về tình cảm gia đình nên vợ chồng chị thường xuyên cãi chửi nhau. Chị V bị anh T đuổi đi ra khỏi nhà và cũng kể từ đó đến nay chị V và anh T sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau. Chị V vẫn còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng với anh T nên chị không đồng ý ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Vũ Trâm A1, sinh ngày 29-11-2016, Vũ Phương U, sinh ngày 27-4-2020 và Vũ Tiến Th, sinh ngày

09-01-2023. Hiện nay cả 03 con chung đang được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị không đồng ý ly hôn với anh T nên chị không có ý kiến gì về việc nuôi con. Hiện nay chị chưa đi làm ở công ty nào mà chị đang chuẩn bị đi xin việc làm.

- Về tài sản, nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng không có và chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ thể hiện:

3.1. Ủy ban nhân dân xã Liên Minh, huyện VB, tỉnh Nam Định nay là Ủy ban nhân dân xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình xác định: Từ khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2025 đến tháng 5 năm 2025 thì chị Trịnh Thị V có thuê trọ tại thôn Tứ Giáp, xã Liên Minh nhưng đến tháng 5 năm 2025 thì chị V đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Chị V chuyển đi đâu, làm gì thì địa phương không biết. Chị V và anh T đều không đăng ký hộ khẩu, đăng ký tạm trú tại xã Liên Minh.

3.2. Ủy ban nhân dân xã TT, huyện VB, tỉnh Nam Định nay là Ủy ban nhân dân xã VB, tỉnh Ninh Bình có ý kiến như sau: Anh T và chị V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã TT nay là xã VB, tỉnh Ninh Bình. Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã TT theo quy định pháp luật. NguYN xảy ra mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ cuối năm 2024 đến nay. Về con chung: Anh chị có 03 con chung như anh chị đã trình bày. Hiện nay các con chung đang ở cùng với anh T. Về điều kiện nuôi con: Anh T hiện làm công nhân, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ đến 11.000.000đ/tháng. Chị V không có mặt ở nhà, không biết chị V đang ở đâu, làm gì và có công việc gì. Trước thời điểm anh T và chị V sống ly thân với nhau thì chị V không làm gì mà chỉ ở nhà. Về tài sản chung, nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Anh T và chị V không đề nghị nên địa phương không có ý kiến gì. Địa phương đề nghị xem xét, giải quyết ly hôn và nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3.2. Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Ninh Bình có ý kiến như sau: Chị Trịnh Thị V không đăng ký hộ khẩu thường trú và không đăng ký tạm trú tại địa phương. Từ khi chị V kết hôn với anh T thì chị V đã chuyển hộ khẩu thường trú về xã TT nay là xã VB. Hiện nay chị V không cư trú tại địa bàn xã Y và địa phương không biết chị V đang ở đâu, làm gì. Vào cuối tuần thứ 7, chủ nhật, chị V có về nhà bố đẻ ở Đội 1, thôn A, xã Y, tỉnh Ninh Bình nhưng đều bị bố đẻ và anh trai đuổi đi khỏi nhà, nên chị chỉ ở nhà bố đẻ một lúc rồi lại đi. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của anh T và chị V theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

+ Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Vũ Đức T, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Vũ Đức T và chị Trịnh Thị V.

+ Về con chung: Giao cháu Vũ Trâm A1, sinh ngày 29-11-2016, Vũ Phương U, sinh ngày 27-4-2020 và Vũ Tiến Th, sinh ngày 09-01-2023 cho anh Vũ Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng lao động, tự lập được. Chị Trịnh Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Vũ Đức T.

+ Về tài sản, công nợ chung và các nội dung khác: Các đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Đức T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị V đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T1, xã VB, tỉnh Ninh Bình, không đăng ký tạm trú tại địa phương nào khác. Như vậy, theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án dân sự về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa anh T và chị V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh Nam Định nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình. Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là chị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đức T và chị Trịnh Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện VB, tỉnh Nam Định (nay là xã VB, tỉnh Ninh Bình), vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ cuối năm 2024 đến nay. Chị V không muốn ly hôn anh T nhưng chị cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị V đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T ly hôn với chị V là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh T và chị V có 03 con chung là cháu Vũ Trâm A1, sinh ngày 29-11-2016, Vũ Phương U, sinh ngày 27-4-2020 và Vũ Tiến Th, sinh ngày 09-01-2023. Từ thời điểm anh chị sống ly thân các con chung được anh T chăm sóc và nuôi dưỡng. Cháu Anh có nguyện vọng muốn ở cùng với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy anh T có công việc, có thu nhập và có nơi cư trú ổn định nên có đủ các điều kiện để được nuôi dưỡng con chung. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; giao cả 3 con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đảm bảo đầy đủ các điều kiện tốt nhất cho các con. Do anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải nộp theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh T và chị V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Vũ Đức T và chị Trịnh Thị V.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Vũ Trâm A1, sinh ngày 29-11-2016, Vũ Phương U, sinh ngày 27-4-2020 và Vũ Tiến Th, sinh ngày 09-01-2023 cho anh Vũ Đức T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

Chị Trịnh Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Vũ Đức T.

Chị Trịnh Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Đức T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ vào số tiền anh T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001027 ngày 08-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB, tỉnh Nam Định; (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Ninh Bình). Như vậy anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Đức T và chị Trịnh Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 8 – Ninh Bình;
- Chi cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã VB;
- Lưu VP, HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Gấm